ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
[PHIÊN DỊCH CƠ BẢN TIẾNG TRUNG]
Mã học phần: CIN32021– Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh
Chuyên ngành: Anh-Trung
Điều kiện tiên quyết: Tổng hợp tiếng Trung 3
Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến
Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Phiên dịch cơ sở nhằm giúp người học:

- G1: Người học hiểu rõ và nắm được các nắm được các từ vựng, cấu trúc câu cơ bản, từ vựng cần thiết về những chủ đề dịch thường gặp như văn hóa, khoa học, du lịch, chính trị, kinh tế thương mại, thể thao...
- G2: Người học có thể phiên dịch các cuộc hội thoại ngắn có nội dung thông thường, quen thuộc; làm phiên dịch trong các tình huống không đòi hỏi phải nắm được các thuật ngữ chuyên ngành hoặc các khái niệm chuyên ngành phức tạp.
- G3: Người học có thể nắm bắt thông tin, xử lý thông tin và phản xạ nhanh, thực hiện các bài dịch trong một thời gian quy định và phù hợp với từng tình huống ngữ cảnh cụ thể.
- G4: Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.
- G5: Có khả năng hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.
- G6: Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.

2. Chữ viết tắt: G= mục tiêu; a=CĐR kiến thực; b=CĐR kỹ năng; c=CĐR năng lực tự chủ

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc sau khi học xong học phần Phiên dịch cơ sở phải đạt những tiêu chuẩn sau:

3.1 Kiến thức

-a1: Có kiến thức tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 4 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc ở kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.

- a2: Người học trau dồi thêm lượng từ vựng và các cấu trúc cơ bản, kỹ năng dịch cụm từ vựng căn bản với nội dung liên quan đến văn hóa, giáo dục, khoa học, kinh tế thương mại, thể thao, du lịch, chính trị...; rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch nói trên cơ sở năng lực thực hành tiếng đã có.phục vụ cho công việc sau này, đặc biệt là các công việc theo định hướng thương mại như biên - phiên dịch viên, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc.
- a3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.

3.2 Kỹ năng

- b1: Sử dụng thành thạo kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 4.

- b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...
- b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.
- b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.

3.3 Phẩm chất, thái độ

- c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.
- c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.
- c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.
- c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Nguyễn Thị Thanh Huệ, Vũ Thanh Hương, Giáo trình Phiên dịch tiếng Trung Quốc 1, 2016

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. 赵玉兰《越汉翻译教程》，北京大学出版社，2004

[4.2.2]. 梁远等编著《实用汉越互译技巧》，民族出版社出版，2005

[4.2.3]. Trần Thị Thanh Liêm, Hoàng Trà, –Rèn luyện kỹ năng dịch thuật Việt Hoa-Hoa Việt‖, NXB văn hóa thông tin, 2008 [4.2.4]. Các trang web: http://www.luyendichtiengtrung.com, http://www.xinhuanet.cn, http://dantiengtrung.com

5. Nội dung kế hoạch dạy học
Thời lượng: 45 tiết; 04 hoặc 05 Tiết/bài

Thời lượng	Nội dung	PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên	KQ cần đạt
04 tiết	**第一课：称呼词** **语的译法** **1. Trọng điểm ngôn ngữ:** cách dịch từ xưng hô trong tiếng Trung và tiếng Việt **2 Bài khóa** 2.1 Dịch Trung Việt: chào mừng và đón tiếp 2.2 Dịch Việt Trung: chào hỏi thường ngày **3 Luyện tập**	- **Dạy học theo phương pháp thuyết trình,** hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các đại từ xưng hô trong tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình**: GV phân tích vàhướng dẫn SV dịch bài mẫu để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược. - **Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu:** phân biệt sự khác nhau trong cách dùng từ xưng hô, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt của tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm**: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch theo chủ đề chào hỏi. - **Dạy học theo phương pháp đóng vai:** Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu**: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung có chủ đề giao tiếp, chào hỏi và cho SV xem rồi luyện dịch. **PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu**: GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước bài dịch mẫu và bài tập bài số 2, ôn tập lại nội dung bài số 1 sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, sách báo trên baidu, google, các công cụ hỗ trợ dịch như từ điển, google dịch để tìm hiểu các từ, cấu trúc, kỹ thuật dịch các từ chỉ xu hướng **"sang, đến, qua, đi".**	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,… - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch đại từ xưng hô, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.	-SV có thể vận dụng được các kỹ năng dịch nói những đoạn hội thoại liên quan đến chủ đề chào hỏi, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề chào hỏi và phù hợp với văn phong tiếng Trung hoặc tiếng Việt.

04 tiết	**第二课：表示趋向 词 语 “sang, đến, qua, đi” 的译法** **1. Trọng điểm ngôn ngữ:** cách dịch từ biểu thị xu hướng –sang, đến, qua, đi‖ **2 Bài khóa** 2.1 Dịch Trung Việt: tham quan thành phố Hồ Chí Minh 2.2 Dịch Việt Trung: tham quan Hà Nội **3 Luyện tập**	- **Dạy học theo phương pháp thuyết trình**, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các từ biểu thị xu hướng –sang, đến, qua, đi‖ - **Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình**: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề du lịch có sử dụng các từ biểu thị xu hướng –sang, đến, qua, đi‖ để SV nắm được kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược. - **Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu**: phân biệt sự khác nhau trong cách dùng từ biểu thị xu hướng –sang, đến, qua, đi‖, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt của tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm**: Chia lớp thành các nhóm nhỏ thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề. - **Dạy học theo phương pháp đóng vai**: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu**: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề du lịch cho SV xem rồi luyện dịch. - - **PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu**: GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước bài dịch mẫu và bài tập bài số 3, ôn tập lại nội dung bài số 2, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, sách báo trên baidu, google, các công cụ hỗ trợ dịch như từ điển, google dịch để tìm hiểu các từ, cấu trúc, kỹ thuật dịch liên quan đến các từ chỉ xu hướng –vào, ra, lên, xuống,...‖.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,… - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các từ biểu thị xu hướng –sang, đến, qua, đi‖, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.	- SV có thể vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề du lịch. - SV có thể phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề du lịch và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với khẩu ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.

04 tiết	第三课：表示趋向词语–vào, ra, lên, xuống,...‖ 的译法 **1. Trọng điểm ngôn ngữ:** cách dịch từ biểu thị xu hướng –vào, ra, lên, xuống‖ **2 Bài khóa** 2.1 Dịch Trung Việt:Phương pháp nuôi dưỡng tình yêu âm nhạc của Khổng Tử 2.2 Dịch Việt Trung: họa sỹ nhí thiên tài **3 Luyện tập**	- **Dạy học theo phương pháp thuyết trình**, hướng dẫn cách dịch từ biểu thị xu hướng –vào, ra, lên, xuống‖. - **Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình:** GV phân tích, hướng dẫn SV dịch bài mẫu chủ đề nghệ thuật có sử dụng các từ biểu thị xu hướng –vào, ra, lên, xuống‖ để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược. - **Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu:** phân biệt sự khác nhau trong cách dùng từ biểu thị xu hướng –vào, ra, lên, xuống‖, cách biểu đạt trong tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm:** Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận, luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề nghệ thuật. - **Dạy học theo phương pháp đóng vai**: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu**: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề nghệ thuật cho sinh viên xem rồi luyện dịch. **PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu**: GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước bài dịch mẫu và bài tập bài số 4, ôn tập lại nội dung bài số 3, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, sách báo trên baidu, google, các công cụ hỗ trợ dịch như từ điển, google dịch để tìm hiểu các từ, cấu trúc, kỹ thuật dịch liên quan đến các từ chỉ xu hướng **"với/về".**	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,… - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các từ biểu thị xu hướng –vào, ra, lên, xuống‖, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.	- SV có thể vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề nghệ thuật. - Sv có thể phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề nghệ thuật và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với khẩu ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.

05tiết	**第四课：常用虚词“với/về”的译法** **1. Trọng điểm ngôn ngữ:** cách dịch hư từ –về, với‖ **2 Bài khóa** 2.1 Dịch Trung Việt:công trình hy vọng 2.2 Dịch Việt Trung: giới thiệu khái quát về hệ thống giáo dục của Việt Nam **3 Luyện tập**	- **Dạy học theo phương pháp thuyết trình**, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch hư từ —về, với‖ - **Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình**: GV phân tích vàhướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề giáo dục có sử dụng các hư từ —về, với‖ để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược. - **Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu**: phân biệt cách dùng khác nhau của hư từ —về, với‖, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt trong tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm**: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận, luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề giáo dục. - **Dạy học theo phương pháp đóng vai**: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu**: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề giáo dục cho sinh viên xem rồi luyện dịch. - **PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu**: GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước bài dịch mẫu và bài tập bài số 5, ôn tập lại nội dung bài số 4, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, sách báo trên baidu, google, các công cụ hỗ trợ dịch như từ điển, google dịch để tìm hiểu các từ, cấu trúc, kỹ thuật dịch liên quan đến các từ chỉ xu hướng —mà, cho‖. GV hướng dẫn SV ôn tập nội dung từ bài 1 đến 4 để chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,… - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các hư từ —về, với‖, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.	-SV có thể vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề giáo dục. - Sv có thể phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề giáo dục và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.

04 tiết	**第五课：常用虚词“mà/cho”的译法** **1. Trọng điểm ngôn ngữ:** cách dịch hư từ –mà, cho‖ **2 Bài khóa** 2.1 Dịch Trung Việt: bài phát biểu của chủ tịch nước CHND Trung Hoa Giang Trạch Dân tại Đại học Quốc gia Hà Nội Dịch Việt Trung: Bài phát biểu của chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nguyễn Thị Kim Ngân tại buổi liên hoan thanh niên Việt Trung lần thứ 3 **3 Luyện tập** 2.2 **4. Kiểm tra giữa kỳ:** Bài kiểm tra dịch nói.	- **Dạy học theo phương pháp thuyết trình**, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các hư từ —mà, cho‖. - **Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình**: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề ngoại giao sử dụng các hư từ –mà, cho‖ để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược. - **Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu**: phân biệt sự cách dùng khác nhau của hư từ –mà, cho‖, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt trong tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm:** Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề ngoại giao. - **Dạy học theo phương pháp đóng vai:** Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu**: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề ngoại giao cho sinh viên xem rồi luyện dịch. - **PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu**: GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước bài dịch mẫu và bài tập bài số 6, ôn tập lại nội dung bài số 5, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, sách báo trên baidu, google, các công cụ hỗ trợ dịch như từ điển, google dịch để tìm hiểu các từ, cấu trúc, kỹ thuật dịch liên quan đến các từ chỉ xu hướng - –thì, bằng‖.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,… - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các hư từ –mà, cho‖, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch. - Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra dịch nói. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức học phần Phiên dịch cơ sở được học đến thời điểm kiểm tra.	- SV có thể vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề ngoại giao. - Sv có thể phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề ngoại giao và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.

05 tiết	**第六课：常用虚词“thì, bằng”的译法** **1. Trọng điểm ngôn ngữ:** cách dịch hư từ –thì, bằng‖ **2 Bài khóa** 2.1 Dịch Trung Việt: Tết ở Trung Quốc 2.2 Dịch Việt Trung: Tết ở Việt Nam **3 Luyện tập**	- **Dạy học theo phương pháp thuyết trình**, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch hư từ –thì, bằng‖. - **Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình**: GV phân tích vàhướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề ngày lễ truyền thống sử dụng các hư từ –thì, bằng‖ để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược. - **Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu**: phân biệt cách dùng khác nhau của hư từ –thì, bằng‖, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt trong tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm**: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề ngày lễ truyền thống. - **Dạy học theo phương pháp đóng vai**: Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu**: sử dụng các đoạn phim tiếng Việt và tiếng Trung về chủ đề ngày lễ truyền thống cho SV xem rồi luyện dịch. - **PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu**: GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước bài dịch mẫu và bài tập bài số 7, ôn tập lại nội dung bài số 6, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, sách báo trên baidu, google, các công cụ hỗ trợ dịch như từ điển, google dịch để tìm hiểu các từ, cấu trúc, kỹ thuật dịch liên quan đến các từ chỉ xu hướng “—bởi, vì, nhằm‖.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,… - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các hư từ –thì, bằng‖, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.	- SV có thể vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề lễ tết. - Sv có thể phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề lễ tết và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.

05 tiết	**第七课：常用虚词 “bởi, vì, nhằm”的译法** **1. Trọng điểm ngôn ngữ:** cách dịch hư từ –bởi, vì, nhằm‖ **2 Bài khóa** 2.1 Dịch Trung Việt: Phúc Oa **2.2** Dịch Việt Trung: thế vận hội **3 Luyện tập**	- **Dạy học theo phương pháp thuyết trình,** hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các hư từ —bởi, vì, nhằm‖. - **Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình:** GV phân tích vàhướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề thể thao sử dụng hư từ —bởi, vì, nhằm‖ để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược. - **Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu:** phân biệt cách dùng khác nhau của hư từ —bởi, vì, nhằm‖, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt của tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm**: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề thể thao. **Dạy học theo phương pháp đóng vai:** Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu**: dùng đoạn phim tiếng Việt vàtiếng Trung về chủ đề thể thao cho SV xem rồi luyện dịch. - **PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu** GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước bài dịch mẫu và bài tập bài số 8, ôn tập lại nội dung bài số 7, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, sách báo trên baidu, google, các công cụ hỗ trợ dịch như từ điển, google dịch để tìm hiểu các từ, cấu trúc, kỹ thuật dịch liên quan đến các từ chỉ xu hướng –để, ở‖.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,… - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các hư từ –bởi, vì, nhằm‖, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.	- SV có thể vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề thể thao. - SV có thể phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề thể thao và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.

05 tiết	**第八课：常用虚词“để/ở”的译法** **1. Trọng điểm ngôn ngữ:** cách dịch hư từ –để, ở‖ **2 Bài khóa** 2.1 Dịch Trung Việt: Xây dựng môi trường lành mạnh 2.2 Dịch Việt Trung: Ô nhiễm môi trường **3 Luyện tập**	- **Dạy học theo phương pháp thuyết trình,** hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các hư từ –để, ở‖. - **Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình:** GV phân tích vàhướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề thể thao sử dụng hư từ –để, ở‖ để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược. - **Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu**: phân biệt sự khác nhau trong cách dùng hư từ –để, ở‖, cấu trúc ngữ pháp, cách biểu đạt của tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm:** Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề môi trường. **Dạy học theo phương pháp - Dạy học theo phương pháp đóng vai:** Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc đóng vai phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu của GV, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu**: dùng đoạn phim tiếng Việt vàtiếng Trung về chủ đề môi trường cho SV xem rồi luyện dịch. - **PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu** GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước bài dịch mẫu và bài tập bài số 9, ôn tập lại nội dung bài số 8, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, sách báo trên baidu, google, các công cụ hỗ trợ dịch như từ điển, google dịch để tìm hiểu các từ, cấu trúc, kỹ thuật dịch liên quan đến cách dịch thêm bớt số lượng.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,… - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các hư từ —để, ở‖, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.	- SV có thể vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề môi trường. - Sv có thể phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch có liên quan đến chủ đề môi trường và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.

05 tiết	**第九课：数量增加与减少的译法** **1. Trọng điểm ngôn ngữ:** cách dịch thêm bớt số lượng **2 Bài khóa** 2.1 Dịch Trung Việt: Hai nước Trung Mỹ sẽ đạt được thỏa thuận miễn thuế cho các sản cho các sản phẩm công nghệ vào tháng 7 2.2 Dịch Việt Trung: Người châu Á thích sử dụng Internet **3 Luyện tập**	- **Dạy học theo phương pháp thuyết trình**, hướng dẫn lý thuyết về cách dịch thêm bớt số lượng. - **Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình**: GV phân tích và hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề kinh tế sử dụng các cấu trúc thêm bớt số lượng để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược. - **Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu**: phân biệt sự khác nhau trong cách biểu đạt thêm bớt số lượng của tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm**: Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề môi trường. - **Dạy học theo phương pháp đóng vai:** Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình huống khi phiên dịch. - **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu**: dùng các đoạn phim tiếng Việt, tiếng Trung chủ đề kinh tế cho SV xem rồi luyện dịch. - **PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu** GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước bài dịch mẫu và bài tập bài số 9, ôn tập lại nội dung bài số 8, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, sách báo trên baidu, google, các công cụ hỗ trợ dịch như từ điển, google dịch để tìm hiểu các từ, cấu trúc, kỹ thuật dịch từ so sánh.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,… - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các cấu trúc thêm bớt số lượng, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.	- SV có thể vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề kinh tế thương mại. - Sv có thể phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch có liên quan đến chủ đề kinh tế thương mại và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.

05 tiết	**第十课：比较词语的译法** **1. Trọng điểm ngôn ngữ:** cách dịch từ so sánh **2 Bài khóa** 2.1 Dịch Trung Việt: Nguyên tắc quảng cáo thực phẩm cho trẻ em 2.2 Dịch Việt Trung: nỗ lực giảm lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo ổn định xã hội và tăng trưởng bền vững **3 Luyện tập**	- **Dạy học theo phương pháp thuyết trình,** hướng dẫn lý thuyết về cách dịch các từ so sánh. - **Dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình:** GV phân tích hướng dẫn SV dịch bài mẫu về chủ đề kinh tế thương mại sử dụng các từ so sánh để SV nắm được các kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược. - **Dạy học theo phương pháp so sánh, đối chiếu:** phân biệt sự khác nhau trong cấu trúc, cách biểu đạt so sánh của tiếng Trung và tiếng Việt. - **Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm:** Chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận và luyện dịch Trung Việt, Việt Trung theo chủ đề kinh tế thương mại. - **Dạy học theo phương pháp đóng vai:** Cho SV đóng vai theo bài hội thoại hoặc phiên dịch viên để dịch bài theo yêu cầu, rèn luyện cho SV phản xạ nhanh và cách xử lý tình - huống khi phiên dịch. - **Dạy học theo phương pháp sử dụng đoạn phim tư liệu**: dùng các đoạn phim về chủ đề kinh tế cho Sv xem rồi luyện dịch. **PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu** GV hướng dẫn SV sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, sách báo trên baidu, google, các công cụ hỗ trợ dịch như từ điển, google dịch để ôn tập các nội dung đã học từ bài 1 đến bài 10, chuẩn bị thi cuối kỳ.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, dịch bài trên lớp, làm bài tập nhóm,… - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra thông qua việc hỏi và thảo luận các nội dung vấn đề trong bài, cho SV thảo luận và dịch bài tại lớp theo hướng dẫn của GV, làm các bài dịch rèn luyện kỹ năng dịch các từ so sánh, kỹ năng phản ứng, xử lý tình huống khi phiên dịch.	- SV có thể vận dụng được các kỹ năng dịch nói, chuyển tải thành công và trung thực nội dung của văn bản gốc liên quan đến chủ đề kinh tế. - Sv có thể phản ứng linh hoạt với các văn bản dịch liên quan đến chủ đề kinh tế và đảm bảo văn phong dịch phù hợp với ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt.

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra										
			a1	a2	a3	b1	b2	b3	b4	c1	c2	c3	c4
Quá trình	ĐG1. Tự luận	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	ĐG2. Tự luận	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tổng cộng:		100%											

8. Hoạt động đánh giá

8. 1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: **a1, a2,a3,b1,b2,c1,c2** Tỷ lệ: **25%** điểm học phần

- Hình thức đánh giá: TL
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, dụng học, văn phong, văn bản học vào công việc phiên dịch (Bài1 đến Bài 5)

8. 2. **Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, a3,b1,b3,c3,c4** Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: TL
- Mô tả bài đánh giá 2: Đánh giá khả năng ứng dụng kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, dụng học, văn phong, văn bản học vào dịch thuật vào công việc phiên dịch (từ bài 6 đến bài 10)

8.3.Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: TL
- Mục đích:
  - Đánh giá năng lực ghi nhớ từ kiến thức dịch thuật.
  - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, dụng học, văn phong, văn bản học vào công việc phiên dịch ở cấp độ HSK 4
  - Đánh giá khả năng làm việc độc lập
- Bài thi cuối kì được tinh theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1;a2;a3;b1;b2; c1; c2; c3; c4

8.4. Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	**B**	**C**	**D**	**F**
	8,5 ÷ 10	**7,0 ÷ 8,4**	**5,5 ÷ 6,9**	**4,0 ÷ 5,4**	**< 4,0**
-a1: Có kiến thức tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 4 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc ở kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
a2: Người học trau dồi thêm lượng từ vựng và các cấu trúc cơ bản, kỹ năng dịch cụm từ vựng căn bản với nội dung liên quan đến văn hóa, giáo dục, khoa học, kinh tế thương mại, thể thao, du lịch, chính trị...; rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch nói trên cơ sở năng lực thực hành tiếng đã có.phục vụ cho công việc sau này, đặc biệt là các công việc theo định hướng thương mại như biên - phiên dịch viên, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc.					
a3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	Sử dụng tốt	Sử dụng khá tốt	Sử dụng ở mức trung bình	Sử dụng ở mức hạn chế	Sử dụng ở mức rất hạn chế
b1: Sử dụng thành thạo kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 4.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.					

8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1x 25+ ĐG2 x 25 + ĐG3 x 50}}{100}$$

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):
Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa
+ projector
+ Loa, Đài casettle
+ Lớp học không quá 35 sinh viên

Yêu cầu đối với sinh viên:
+ Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.
+ Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
+ Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).
+ Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học
+ Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài
+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ
+Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Chú ý an toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Chủ tịch Hội đồng	*Hải Phòng, ngày ... tháng .... năm 2023*
xây dựng CTĐT ngành	**Người biên soạn**
TS. Trần Thị Ngọc Liên	**Tổ Tiếng Trung**